

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST

Ngày 30-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Quang Sáng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Hoa.**
Ông **Trần Ngọc Toàn.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2021; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/HSST-QĐ Ny 15-3-2020 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T, sinh ngày 14/11/1989, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn T, sinh năm 1965 và bà Trương Thị T, sinh năm 1968;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 19/3/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 02 năm tù về tội Cướp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2007/HSST. Ngày 22/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2008/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

2. Lương Ngọc T1, sinh ngày 20/11/1989, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lương Ngọc N, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1962;

Có vợ là Thùng Thị T, sinh năm 1989; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 20/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội Cướp giật tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2008/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2020, đến ngày 18/12/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại địa phương; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Triệu Tồn S, sinh năm 1988 và chị Triệu Thị N, sinh năm 1989.

Cùng trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Chị N ủy quyền cho anh S tham gia tố tụng, anh Triệu Tồn S vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Thùng Thị T, sinh năm 1989.
Có mặt

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trương Văn T và Lương Ngọc T1 là bạn bè với nhau. Ngày 08/12/2020 khi T1 đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Daechean Cub50 biển kiểm soát 24HB.08867 thì gặp T trên đường. T rủ T1 cùng đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài, T1 đồng ý. T1 điều khiển xe đi đến khu vực nhà anh Triệu Tồn S ở thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Lúc này nhà anh S cửa khóa, không có người ở nhà nên T1 dừng xe, T đột nhập vào nhà anh S để trộm cắp tài sản. Sau khi vào T phát hiện 01 con lợn cái đang nằm trong chuồng lợn. T gọi T1 vào trợ giúp và bảo T1 tìm bao tải xác rắn rồi T bắt lợn cho vào bao tải. Sau đó cả hai khiêng ra xe, T1 điều khiển xe chở T ngồi phía sau giữ con lợn vừa trộm cắp được. Khi đi được khoảng 500m thì bị người dân phát hiện, đuổi bắt được. Sau đó Công an xã L lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 con lợn cái khoảng 2 năm tuổi, lông màu đen, loại lợn (Lang Hồng), có trọng lượng 31kg, 01 bao tải xác rắn và 01 chiếc xe mô tô của Lương Ngọc T1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/GĐTS-HĐĐG ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Văn Yên kết luận: Giá trị tài sản trưng cầu định giá là 01 con lợn cái khoảng 2 năm, lông màu đen, loại lợn Lang Hồng, có trọng lượng 31kg tại thời điểm ngày 08/12/2020 có giá 100.000đ/1kg x 31kg = 3.100.000đ.

Quá trình điều tra anh Triệu Tồn S trình bày con lợn mà T và T1 trộm cắp được vào ngày 08/12/2020 là của gia đình anh. Gia đình anh đã nhận lại tài sản, anh không yêu cầu bồi thường gì. Anh S cũng có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lương Ngọc T1, còn Trương Văn T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 24HB.08867 cho chị Thùng Thị T.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-VY ngày 22/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố Trương Văn T và Lương Ngọc T1 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay,

đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Lương Ngọc T1 phạm tội Trộm cắp tài sản. Đối với Trương Văn T áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đối với Lương Ngọc T1 áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt từ 9 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đề ra việc giải quyết. Về xử lý vật chứng và án phí đề nghị quyết định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, không có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt ở mức thấp nhất.

Người liên quan có mặt khai nhận các nội dung như đã nêu ở trên và không có tranh luận hay đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp bản kiểm điểm, các bản khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu sài và lợi dụng lúc gia đình nhà anh S không có người ở nhà. Vào khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 08/12/2020 Trương Văn T cùng Lương Ngọc T1 đi xe mô tô từ huyện H, tỉnh Lào Cai về xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái rồi lén lút vào chuồng lợn nhà anh Triệu Tồn S ở thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái trộm cắp 01 con lợn trọng lượng 31kg, có giá trị bằng 3.100.000đ. Trên đường vận chuyển thì bị người dân bắt quả tang. Hành vi nêu trên của Trương Văn T và Lương Ngọc T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà các bị cáo Trương Văn T và Lương Ngọc T1 thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực

tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và là bài học để cảnh tỉnh, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Trương Văn T và Lương Ngọc T1 đồng phạm về hành vi trộm cắp tài sản nhưng là đồng phạm giản đơn. Mỗi bị cáo có vai trò khác nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự về vai trò và hành vi mà mình thực hiện. Việc xem xét quyết định hình phạt đối với từng bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Đối với Trương Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu sài nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người rủ rê, lôi kéo bị cáo T1 thực hiện hành vi trộm cắp, chủ động lén lút vào nhà anh S trộm cắp tài sản. Bị cáo là người thực hành tích cực hơn bị cáo T1. Bị cáo là người có nhân thân rất xấu, ngày 19/3/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 02 năm tù về tội Cướp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2007/HSST; Ngày 22/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2008/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong các án nêu trên, đã được xóa án tích nên không bị coi là tiền án. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được coi gây thiệt hại không lớn. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích nêu trên cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và vai trò của bị cáo trong vụ án này.

Đối với Lương Ngọc T1 là người bị T rủ rê, lôi kéo nhưng là người thực hành cùng T trong việc trộm cắp tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật vì ngày 20/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội Cướp giật tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2008/HSST. Năm 2008 khi T1 thực hiện hành vi phạm tội chỉ là người chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế. Đến nay T1 đã chấp hành xong bản án nêu trên, đã được xóa án tích nên không bị coi là tiền án. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho người bị hại nên được coi là gây thiệt hại không lớn; người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, và áp dụng Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cho bị cáo được hưởng chế định quy định tại Điều 65

Bộ luật Hình sự nhằm tạo cơ hội cho bị cáo Lương Ngọc T1 sửa chữa lỗi lầm và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[5] Do các bị cáo Trương Văn T, Lương Ngọc T1 là đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản riêng, không có việc làm và thu nhập ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình anh Triệu Tồn S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Daeehan Cub50 biển kiểm soát 24HB.08867 là tài sản hợp pháp của chị Thùng Thị Thim, ngày 28/01/2021 cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Thim là phù hợp.

Đối với 01 bao tải xác rắn màu trắng, đã cũ mà các bị cáo lấy của gia đình anh S để đúc con lón trộm cắp được. Chiếc bao tải này đã cũ, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Do các bị cáo phạm tội, bị xử phạt nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Lương Ngọc T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt:*

Đối với Trương Văn T: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2020.

Đối với Lương Ngọc T1: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Ngọc T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/3/2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lương Ngọc T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 bao tải xác rắn màu trắng, đã cũ.

4. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án buộc Trương Văn T, Lương Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKS, Công an, THA huyện Văn Yên;
- Trại tạm giam, bị cáo (02);
- Người bị hại (02);
- Người liên quan;
- Lưu HSơ, Tập án, THA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Sáng